

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2017/ DS-PT
Ngày: 26 - 9 - 2017
V/v *Tranh chấp Hợp đồng
góp hui và đòi tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Đình Thi
Ông Nguyễn Thành Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 9 và ngày 02 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2017/TLPT-DS ngày 24 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp Hợp đồng góp hui và đòi tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/DS-ST ngày 8 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 201/2017/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1. Bà Trần L (tên gọi khác Mỹ H), sinh năm 1967 (Có mặt).
2. Ông Trương Thanh T, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

Cùng trú tại: phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Ông Trương Thanh T uỷ quyền cho bà Trần L theo giấy uỷ quyền ngày 10 tháng 11 năm 2016.

- Bị đơn: Bà Ngô Thị Tuyết M, sinh năm 1958 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trương Công C, sinh năm 1986

Địa chỉ: phường T, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn (Giấy uỷ quyền ngày 19 tháng 12 năm 2016).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Phạm Văn C – Luật sư của Văn phòng Luật sư Phạm Văn C thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà NLQ1, sinh năm 1959 (Có mặt).

Địa chỉ: KP. M, thị trấn L, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. Chị NLQ2, sinh năm 1994 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

3. Bà NLQ3, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* bà Ngô Thị Tuyết M là bị đơn.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Trần L trình bày: Thời gian từ ngày 24-5-2012 (âm lịch) đến ngày 10-8-2013 (âm lịch) bà có trực tiếp tham gia chơi hụi do bà Ngô Thị Tuyết M làm chủ cụ thể như sau:

Đối với loại hụi 3.000.000 đồng có 06 dây: Mỗi tháng xỏ 02 lần, hụi chết đóng 3.000.000 đồng, hụi sống tùy theo hụi viên kêu, sau khi hụi viên hốt hụi thì đóng tiền huê hồng lại cho chủ hụi 3.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ nhất: Áp vào ngày 24-5-2012 (âm lịch), có 60 hụi viên tham gia, bà tham gia 05 phần, bà đã đóng 44 lần cả tiền hụi sống và tiền hụi chết cho bà M tổng cộng là 560.505.000 đồng (đóng lần cuối cùng ngày 09-3-2014 âm lịch), bà đã hốt hết 05 phần hụi được số tiền 701.000.000 đồng. Dây hụi này bà còn phải đóng tiền hụi chết cho bà M đến khi mãn hụi là 16 lần với số tiền 240.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Áp vào ngày 06-7-2012 (âm lịch), có 62 hụi viên tham gia, bà tham gia 10 phần, bà đã đóng 41 lần cả tiền hụi sống và tiền hụi chết cho bà M tổng cộng là 975.320.000 đồng (đóng lần cuối cùng ngày 06-3-2014 âm lịch), bà đã hốt được 09 phần hụi được số tiền 1.314.920.000 đồng. Dây hụi này bà còn 01 phần hụi sống chưa hốt số tiền là 123.000.000 đồng. Bà phải đóng tiền hụi chết cho bà M đến khi mãn hụi là 21 lần với số tiền là 567.000.000 đồng. Sau khi trừ đi 01 phần hụi sống bà chưa hốt, bà còn phải đóng cho bà M 444.000.000 đồng tiền hụi chết.

- Dây hụi thứ ba: Áp vào ngày 19-9-2012 (âm lịch), có 62 hụi viên tham gia, bà tham gia 10 phần, bà đã đóng 36 lần cả tiền hụi sống và tiền hụi chết cho bà M tổng cộng là 856.800.000 đồng (đóng lần cuối cùng ngày 04-3-2014 âm lịch), bà

đã hót được 08 phần hội được số tiền 1.134.910.000 đồng. Dây hội này bà còn 02 phần hội sống chưa hót số tiền là 216.000.000 đồng. Bà phải đóng tiền hội chết cho bà M đến khi mãn hội là 26 lần với số tiền 624.000.000 đồng. Sau khi trừ đi 02 phần hội sống bà chưa hót, bà còn phải đóng cho bà M 408.000.000 đồng tiền hội chết.

- Dây hội thứ tư: Áp vào ngày 10-11-2012 (âm lịch), có 60 hội viên tham gia, bà tham gia 10 phần, bà đã đóng 33 lần cả tiền hội sống và tiền hội chết cho bà M tổng cộng là 751.230.000 đồng (đóng lần cuối cùng ngày 10-3-2014 âm lịch), bà đã hót được 03 phần hội được số tiền 402.580.000 đồng. Dây hội này bà còn 07 phần hội sống chưa hót số tiền là 693.000.000 đồng. Bà phải đóng tiền hội chết cho bà M đến khi mãn hội là 27 lần với số tiền 243.000.000 đồng. Sau khi trừ đi 07 phần hội sống bà chưa hót, bà còn được lấy về 450.000.000 đồng.

- Dây hội thứ năm: Áp vào ngày 18-01-2013 (âm lịch), có 62 hội viên tham gia. Bà tham gia 10 phần, bà đã đóng 28 lần cả tiền hội sống và tiền hội chết cho bà M tổng cộng là 672.230.000 đồng (đóng lần cuối cùng ngày 03-3-2014 âm lịch), bà đã hót được 09 phần hội được số tiền 1.239.320.000 đồng. Dây hội này bà còn 01 phần hội sống chưa hót số tiền là 84.000.000 đồng. Bà phải đóng tiền hội chết cho bà M đến khi mãn hội là 34 lần với số tiền 918.000.000 đồng. Sau khi trừ đi 01 phần hội sống bà chưa hót, bà còn phải đóng cho bà M 834.000.000 đồng tiền hội chết. Dây hội này bà được hót vào ngày 03-3-2014 (âm lịch) là lần thứ 09 nhưng bà M không giao tiền hội 146.680.000 đồng cho bà mà bà M lấy số tiền này cản trừ cho 08 dây hội.

- Dây hội thứ Sáu: Áp vào ngày 15-04-2013 (âm lịch), có 63 hội viên tham gia. Bà tham gia 10 phần, bà đã đóng 23 lần tiền hội sống cho bà M tổng cộng là 477.000.000 đồng (đóng lần cuối cùng ngày 15-3-2014). Dây hội này bà chưa hót phần nào. Vì vậy bà M còn thiếu bà L tiền hội là 690.000.000 đồng.

Đối với loại hội 2.000.000 đồng có 02 dây: Mỗi tháng xổ 02 lần, hội chết đóng 2.000.000 đồng, hội sống tùy theo hội viên kêu, sau khi hội viên hót hội thì đóng tiền huê hồng lại cho chủ hội 2.000.000 đồng.

- Dây hội thứ nhất: Áp vào ngày 02-02-2013 (âm lịch), có 62 hội viên tham gia. Bà tham gia 10 phần, bà đã đóng 27 lần tiền hội sống cho bà M tổng cộng là 369.900.000 đồng (đóng lần cuối cùng ngày 02-3-2014 âm lịch). Dây hội này bà chưa hót phần nào. Bà M còn thiếu bà L tiền hội là 540.000.000 đồng.

- Dây hội thứ hai: Áp vào ngày 10-8-2013 (âm lịch), có 70 hội viên tham gia. Bà tham gia 03 phần, bà đã đóng 15 lần tiền hội sống cho bà M tổng cộng là 62.220.000 đồng (đóng lần cuối cùng ngày 10-3-2014 âm lịch). Dây hội này bà chưa hót phần nào. Bà M còn thiếu bà tiền hội là 90.000.000 đồng.

Bà có cung cấp cho Toà án 05 bảng ghi tiền hụi (photo) theo bà trình bày là do bà M photo rồi đưa cho bà, trong đó có ghi nội dung về thời gian áp hụi, loại hụi, số hụi viên, tổng phần hụi bà tham gia chơi và ngày tháng bà hốt hụi, số tiền hốt được và số phần hụi sống, hụi chết. Ngoài ra, còn có 04 bảng ghi tiền hụi do chị NLQ2 ghi dùm bà M, bà M photo đưa cho bà và 22 biên nhận bà M thu tiền hụi các đợt do bà đóng.

Trong quá trình chơi hụi bà có bán 02 phần hụi của dây hụi áp ngày 19-9-2012 âm lịch và 01 phần hụi của dây hụi áp ngày 10-11-2012 âm lịch cho bà NLQ3.

Bà đã đóng tiền hụi cho bà M 68 phần hụi sống và chết với tổng số tiền là 4.725.205.000 đồng. Bà M giao tiền hụi bà hốt 34 phần hụi với số tiền 4.792.730.000 đồng (tính cả phần hụi hốt ngày 03-3-2014 mà bà M không giao tiền). Từ thời điểm ngày 03-3-2014 âm lịch là ngày bà hốt hụi lần cuối cho đến ngày kết thúc các dây hụi thì 08 dây hụi bà tham gia vẫn hoạt động bình thường, chủ hụi không bị bể hụi. Khi bà hốt phần hụi thứ 34 vào ngày 03-3-2014 âm lịch của dây hụi áp ngày 18-01-2013 âm lịch được số tiền 146.680.000 đồng thì bà M không giao tiền hụi cho bà mà để lại cản trừ tiền hụi cho các dây hụi bà tham gia. Do bà M không cho bà hốt hụi nữa nên bà không tiếp tục đóng tiền hụi cho bà M, bà M đã tìm tới cơ quan ông T yêu cầu ông T và bà phải viết tờ cam kết trả nợ tiền hụi cho bà M, vì sợ ảnh hưởng đến uy tín của ông T nên ông T và bà đã viết tờ cam kết trả số tiền 671.000.000 đồng cho bà M khi chưa đối chiếu sổ hụi.

Sau khi ký biên nhận nợ, bà về nhà tính toán lại tiền hụi thì thấy rằng bà M đã tính sai cho bà vì tổng số tiền hụi chết 34 phần bà phải đóng lại cho bà M là 2.592.000.000 đồng trừ đi tiền hụi sống 34 phần chưa hốt cộng với lãi là 2.436.000.000 đồng thì chỉ còn lại 156.000.000 đồng là số tiền bà còn phải đóng hụi cho bà M nhưng bà M lại cản trừ ra 671.000.000 đồng theo tờ cam kết trả nợ là không đúng, bà đã yêu cầu bà M tính lại nhưng bà M không đồng ý. Sau đó, hàng tháng bà và ông T đã phải đóng cho bà M 20.000.000 đồng cho đến tháng 02-2017 thì đủ số tiền 671.000.000 đồng, người nhận tiền dùm cho bà M là bà NLQ1 (xui gia của bà M) và chị NLQ2 (con gái bà M). Hiện nay vợ chồng bà đã trả đủ số tiền 671.000.000 đồng cho bà M nhưng thực chất bà chỉ thiếu tiền hụi bà M tổng cộng 156.000.000 đồng.

Nay bà cầu bà M hoàn trả lại cho vợ chồng Bà số tiền 515.000.000 đồng, trả một lần và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 07-02-2017 đến ngày xét xử. Bà không yêu cầu Bà NLQ1, chị NLQ2 phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số tiền trên cho vợ chồng bà.

Bà Ngô Thị Tuyết M và người đại diện theo ủy quyền ông Trương Công C trình bày: Năm 2012 bà Trần L có tham gia chơi 08 dây hụi với 68 phần

hụi do bà làm chủ và có danh sách hụi viên, bà L có hốt hụi của bà tổng cộng là 34 phần hụi, còn lại 34 phần hụi sống chưa hốt đúng như lời trình bày của bà L. Nhưng số tiền hụi sống và hụi chết theo lời trình bày của bà L là chưa đúng, do thời gian quá lâu nên bà chưa tính lại số tiền hụi sống và chết của các phần hụi của bà L được. Bà xác nhận 08 dây hụi này đến nay đã mãn hụi hết và danh sách hụi viên đã bị thất lạc, 08 dây hụi này đều mở và kết thúc đúng thời gian chơi hụi, không bị bể dây hụi nào. Lý do bà không tiếp tục cho bà L hốt 34 phần hụi còn lại là do bà L không đồng ý đóng 34 phần hụi chết cho bà nên bà mới lấy 34 phần hụi sống để cản trừ cho 34 phần hụi chết mà bà L đã hốt. Hình thức bà cản trừ là cả tiền hụi gốc và lãi cho bà L, số tiền gốc và lãi bà tính cho bà L 34 phần sống là 1.424.000.000 đồng, sau khi trừ tiền nợ hụi chết bà L chưa đóng là 2.095.000.000 đồng còn lại 671.000.000 đồng là số tiền hụi bà L còn nợ bà. Sau đó bà gặp ông T, bà L ở quán cà phê cùng nhau tính toán lại tiền hụi sống, hụi chết, kiểm tra qua sổ sách xong thì ông T, bà L đồng ý trả cho Bà số tiền nợ hụi là 671.000.000 đồng. Hai bên thoả thuận mỗi tháng ông T, bà L đóng cho bà 20.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ và ông T, bà L viết cho bà M tờ cam kết trả nợ. Hàng tháng ông T, bà L đóng hụi cho bà 20.000.000 đồng nhưng bà không trực tiếp nhận tiền mà nhờ bà NLQ 1 (xui gia với bà M) và con gái bà M là NLQ2 nhận dùm.

Bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông T, bà L vì bà không có nợ tiền hụi của ông T, bà L.

Bà NLQ1 trình bày: Bà và bà M là xui gia với nhau còn bà và ông T là quan hệ bạn bè quen biết làm việc với nhau. Bà có biết việc bà M và ông T, bà L có phát sinh nợ hụi với nhau nên khi đó bà có nói chuyện với bà M là để bà đi nhận tiền hụi của ông T dùm bà M và bà M đồng ý. Việc bà L, ông T chơi hụi của bà M khi nào thì Bà không rõ. Đến khi bà L chơi hụi bà M được một thời gian và có phát sinh nợ hụi với bà M thì bà mới biết. Trong số tiền bà nhận tiền từ ông T, bà L đưa lại cho bà M thì bà không được lợi ích gì. Nay bà yêu cầu Toà án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Chị NLQ2 trình bày: Chị là con gái của bà M. Bà M trước đây có làm chủ một số dây hụi, trong các thành viên chơi hụi thì có bà Trần L tham gia chơi hụi, mỗi lần bà M mở dây hụi nào thì chị đều biết nhưng chị không tham gia.

Chị thừa nhận trong các biên nhận, bảng kê có chữ ký của bà M thì đều do chị viết cho bà M ký là sự thật.

Chị xác nhận chữ viết trong bảng ghi “Phần hụi Mỹ H thiếu chị M” gồm dây hụi 3.000.000 đồng áp ngày 19-9-2012; dây hụi 3.000.000 đồng áp ngày 03 và 18; dây hụi 3.000.000 đồng áp ngày 06-7-2012; dây hụi 3.000.000 đồng áp ngày 24-5-2012 đều do chị viết dùm bà M và bà M đưa lại cho bà L giữ. Trong những

lần bà L, ông T giao tiền cho bà M thì chị cũng có nhận thay cho bà M vài lần. Đối với vụ kiện này chị không liên quan, chị yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Bà NLQ3 trình bày: Vào năm 2012-2013 bà có tham gia chơi hụi do bà M làm chủ, bà tham gia 15 phần hụi nhưng do thời gian đã lâu nên bà không nhớ rõ từng dây hụi. Trong các dây hụi bà tham gia thì có bà Trần L tham gia nhưng bà không biết rõ bà L tham gia bao nhiêu dây hụi và bao nhiêu phần hụi. Bà thừa nhận trong quá trình chơi hụi bà L có bán cho bà 02 phần hụi của dây hụi áp ngày 19-9-2012 âm lịch và 01 phần hụi của dây hụi áp ngày 10-11-2012 âm lịch, giá bao nhiêu bà không còn nhớ, chỉ nhớ mỗi phần mua khoảng hơn 100.000.000 đồng, việc mua bán giữa hai bên đều thông qua bà M. Hiện nay 02 phần hụi mua của bà L, bà đã hốt xong và các dây hụi cũng đã kết thúc nên bà cũng không có tranh chấp gì với bà L và bà M.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2017/DS-ST ngày 8 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Trương Thanh T và bà Trần L.

Buộc bà Ngô Thị Tuyết M có nghĩa vụ trả cho ông Trương Thanh T và bà Trần L số tiền 529.806.250 đồng (Năm trăm hai mươi chín triệu tám trăm lẻ sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Bà Ngô Thị Tuyết M kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T và bà L.

Ngày 21/6/2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C kháng nghị Đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về phía bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và Luật sư C nêu quan điểm tranh luận cho rằng: Việc cản trở nợ hụi giữa các bên đã được tính toán thống nhất và có phương án trả nợ rõ ràng theo tờ cam kết nợ. Suốt thời gian từ ngày vợ chồng bà L ký tờ cam kết nợ đã trả nợ cho bà M đầy đủ cho đến tháng 04/2016 Việc bà L cho rằng do bà M hăm he để buộc vợ chồng bà ký tờ cam kết là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ tờ cam kết nợ của vợ chồng bà L, ông T để làm cơ sở xét xử, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang và phát biểu ý kiến kết luận: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang và kháng cáo của bà Ngô Thị Tuyết M, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, phía người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có đơn kháng cáo nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét lời khai của phía nguyên đơn bà L và phía bị đơn bà M trình bày đều thừa nhận thời gian từ ngày 24-5-2012 (âm lịch) đến ngày 10-8-2013 (âm lịch) bà L có trực tiếp tham gia chơi hụi do bà Ngô Thị Tuyết M làm chủ: Dây hụi 3.000.000 đồng/tháng, mỗi tháng xỏ 2 lần, bà L tham gia 06 dây hụi tổng cộng có 55 chân; dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, mỗi tháng xỏ 2 lần, bà L tham gia 02 dây hụi tổng cộng có 13 chân; tổng cộng bà L tham gia 68 chân hụi.

[3] Căn cứ theo đơn khởi kiện của vợ chồng bà L, ông T, bản tự khai của vợ chồng bà L, ông T ngày 24/10/2016 (bút lục 57), vợ chồng bà thừa nhận có ký tờ cam kết nợ bà L số tiền hụi 671.000.000 đồng, tuy bà L khai nại do bà M đòi thừa ra cơ quan của chồng bà, nên vợ chồng bà mới ký tờ cam kết chứ không đối chiếu, nhưng không có cơ sở chứng cứ khách quan, để cho rằng vợ chồng bà L bị ép buộc, vì vợ chồng bà vẫn trả nợ theo tờ cam kết, mà cho đến khi bà khởi kiện ra Tòa án vẫn tiếp tục trả nợ cho bà M đầy đủ số tiền nợ. Nay vợ chồng bà khởi kiện yêu cầu phía bà M trả lại khoản tiền bà đã trả dư, do số tiền nợ hụi theo vợ chồng bà tính toán chỉ có 156.000.000 đồng, về nguyên tắc của pháp luật thì vợ chồng bà phải có nghĩa vụ chứng minh, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định phía bà M phải có nghĩa vụ chứng minh số tiền vợ chồng bà L nợ hụi 671.000.000 đồng là không đúng.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bà M có tờ tường trình ngày 03/7/2017 thống kê các dây hụi và các khoản hụi bà L hốt và chưa hốt và số tiền nợ hụi còn lại sau khi khấu trừ bà L nợ 671.000.000 đồng, còn tờ tường trình ngày 04/8/2017 thống kê các dây hụi và các khoản hụi bà L hốt và chưa hốt và số tiền nợ hụi còn lại của 7 dây hụi sau khi khấu trừ bà L nợ 665.053.000 đồng. Qua xem xét các bảng kê của bà M do Viện kiểm sát nhân dân huyện C thu thập tại giai đoạn xét xử phúc thẩm và lời khai của các bên tại phiên tòa phúc thẩm thì các bên đều thống nhất về thời gian và số lần bà L hốt hụi, cũng như số hụi sống bà L bỏ đi chưa hốt, chỉ chênh lệch về số lần hụi chết phía bà L phải đóng hụi. Tại phiên tòa, phía bà L đưa ra 06 giấy tay, trong đó có 04 giấy do chị NLQ2 con bà M ghi và 02 giấy tay do bà M ghi để chứng minh sự chênh lệch về số tiền hụi chết bà phải đóng, nhưng không được bà M và Bé N thừa nhận do bản photo. Tuy nhiên, tại giai đoạn xét xử sơ thẩm trong Biên bản về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 27/02/2017, chị NLQ2 thừa nhận chữ viết trong bảng ghi phần hụi Mỹ H gồm dây hụi 3.000.000 đồng áp ngày 19/9/2012, dây hụi 3.000.000 đồng áp ngày 03 và 18; dây hụi 3.000.000 đồng áp ngày 06/7/2012; dây hụi 3.000.000 đồng áp ngày 24/5/2012 đều do tôi viết (Bút lục 165), xét những tình tiết mới phát sinh tại giai đoạn phúc thẩm, chưa được các bên thừa nhận, cần phải có đối chiếu cụ thể, để làm rõ sự thật khách quan của vụ án, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, mà tại giai đoạn xét xử phúc thẩm không thể khắc phục được.

Từ cơ sở nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thống nhất không chấp nhận quan điểm tranh luận của Luật sư C, chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc chấp nhận một phần nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang và kháng cáo của bà Ngô Thị Tuyết M, hủy bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Về án phí dân sự phúc thẩm, phía bà M không phải nộp 300.000 đồng do Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/DS-ST ngày 8 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm lại vụ án theo thủ tục chung.

Phía bà Ngô Thị Tuyết M không phải nộp án phí phúc thẩm, hoàn trả lại cho bà M số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do bà M nộp theo biên lai thu tiền số 0005888 ngày 19/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 26/9/2017./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện C;
- THA dân sự huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Lâm Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Tấn

Phạm Đình Thi

Lê Lâm Sơn

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Phú Quốc;
- THA dân sự huyện Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Lâm Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Tấn Phạm Đình Thi Lê Lâm Sơn